

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG
LÂM TP. HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2025¹

(Hình thức đào tạo: Tuyển sinh chính quy đại học, cao đẳng (Ngành giáo dục mầm non))²

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở đào tạo:** TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
- Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh:** NLS
- Địa chỉ các trụ sở** (trụ sở chính, trụ sở cùng tỉnh/TP trực thuộc Trung ương và phân hiệu):

STT	Loại trường	Tên trường	Địa điểm
1	Cơ sở đào tạo chính	Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh	Khu phố 33, phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh
2	Phân hiệu	Phân hiệu Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM tại Gia Lai	Đường Trần Nhật Duật, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai.
3	Phân hiệu	Phân hiệu Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM tại Ninh Thuận	Số 8, Yên Ninh, Phường Ninh Chữ, tỉnh Khánh Hòa.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: hcmuaf.edu.vn

5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0773.284.806; 028.3896.3350

6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; đề án, quy chế thi tuyển sinh (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi): <https://ts.hcmuaf.edu.vn>

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo³:

7.1. Địa chỉ công khai chương trình đào tạo:

<https://pdt.hcmuaf.edu.vn/pdt-42857-1/vn/chuong-trinh-dao-tao-ap-dung-tu-khoa-2024-tro-di.html>

7.2. Địa chỉ công khai ngành đào tạo:

¹ Thông tin tối thiểu, các CSĐT bổ sung các thông tin khác của CSĐT (nếu cần).

² Chính quy/vừa làm vừa học (liên thông, đã có một văn bằng...); cập nhật theo kế hoạch tuyển sinh bảo đảm quy định về công bố thông tin tuyển sinh.

³ Theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công khai các thông tin về Hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

<https://ts.hcmuaf.edu.vn/>

7.3. Địa chỉ công khai đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý:

<https://llkh.hcmuaf.edu.vn/docgia/lylichkhoahoc>

7.4. Địa chỉ công khai cơ sở vật chất:

<https://pqttvt.hcmuaf.edu.vn/pqttvt-10423-1/vn/cong-khai-co-so-vat-chat.html>

7.5. Địa chỉ công khai quy mô đào tạo:

<https://tapchigiaoduc.edu.vn/article/89654/174/70-nam-hanh-trinh-xay-dung-truong-dai-hoc-da-nganh-da-linh-vuc-nghien-cuu-cua-truong-dai-hoc-nong-lam-tp-ho-chi-minh/>

7.6. Địa chỉ công khai tỷ lệ sinh viên có việc làm:

<https://htsv.hcmuaf.edu.vn/tinh-hinh-viec-lam-sinh-vien-tot-nghiep/>

7.7. Địa chỉ công khai kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo ngành:

<https://ts.hcmuaf.edu.vn/>

II. TUYỂN SINH CHÍNH QUY ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG (NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON)

1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

Thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) có đủ điều kiện xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non, hệ chính quy năm 2025 của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh

2. Mô tả phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển):⁴

Xét tuyển;

Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hệ chính quy theo 05 (năm) phương thức sau đây:

2.1 Phương thức 1: Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

2.2 Phương thức 2: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức năm 2025. Không sử dụng phương thức này để xét tuyển vào ngành Giáo dục mầm non (trình độ cao đẳng, đại học).

2.3 Phương thức 3: Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025:

- Xét tuyển dựa vào điểm các môn thi tốt nghiệp THPT năm 2025 có trong tổ hợp xét tuyển.
- Riêng ngành Giáo dục mầm non (trình độ cao đẳng, đại học) xét tuyển dựa vào kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT của hai (02) môn Toán, Ngữ văn và điểm thi môn Năng khiếu.

2.4 Phương thức 4: Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025, bổ sung hoặc thay thế một môn trong tổ hợp xét tuyển bằng kết quả học tập bậc THPT (học bạ):

- Không áp dụng đối với xét tuyển ngành Giáo dục mầm non (trình độ cao đẳng, đại học)
- Xét tuyển dựa vào điểm **02** (hai) môn thi tốt nghiệp THPT năm 2025 có trong tổ hợp xét tuyển và **01** (một) môn còn lại trong tổ hợp xét tuyển được sử dụng điểm học bạ (trung bình của 4 học kỳ từ học kỳ I lớp 11 đến học kỳ II lớp 12, làm tròn đến 2 số lẻ thập phân) để bổ sung hoặc thay thế, môn bổ sung hoặc thay thế này không được là môn Toán và Ngữ văn.

2.5 Phương thức 5: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT (học bạ):

- Sử dụng điểm học bạ (trung bình của 4 học kỳ từ học kỳ I lớp 11 đến học kỳ II lớp 12, làm tròn đến 2 số lẻ thập phân) của mỗi môn trong tổ hợp xét tuyển. Tại cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh chỉ xét tuyển đối với các thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2025.
- Đối với xét tuyển ngành Giáo dục Mầm non (trình độ cao đẳng, đại học), sử dụng điểm học bạ (trung bình của 4 học kỳ từ học kỳ I lớp 11 đến học kỳ II lớp 12, làm tròn đến 2 số lẻ thập phân) của 2

môn Toán và Ngữ văn kết hợp với kết quả thi môn Năng khiếu.

Đối với các phương thức xét tuyển 3 và 5, thí sinh có thể sử dụng điểm chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế (IELTS hoặc TOEFL ITP) còn giá trị sử dụng đến trước ngày thí sinh kết thúc đăng ký xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được quy đổi theo quy định để bổ sung hoặc thay thế cho môn Tiếng Anh trong tổ hợp xét tuyển.

+ Đối với điểm bài thi IELTS phải đạt từ 4,5 trở lên, đơn vị cấp chứng chỉ gồm: British Council (BC) hoặc International Development Program (IDP);

+ Điểm bài thi TOEFL ITP phải đạt từ 450 trở lên, đơn vị cấp chứng chỉ Educational Testing Service (ETS).

Mức điểm quy đổi như sau:

STT	Điểm bài thi IELTS	Điểm bài thi TOEFL ITP	Điểm quy đổi môn Tiếng Anh
1	4.5	450	8,0
2	5.0	480	8,5
3	5.5	500	9,0
4	6.0	530	9,5
5	≥ 6.5	≥ 550	10

⁴ Phân biệt trình độ đại học và cao đẳng.

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh.

- Ngưỡng đầu vào:

Khung quy đổi ngưỡng đầu vào của các phương thức xét tuyển được công bố công khai tại địa chỉ <https://ts.hcmuaf.edu.vn> trước 17 giờ 00 ngày 23/7/2025.

- Điểm trúng tuyển:

Khung quy đổi điểm trúng tuyển của các phương thức xét tuyển được công bố công khai tại địa chỉ <https://ts.hcmuaf.edu.vn> trước 17 giờ 00 ngày 20/8/2025.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành ⁵	Tên ngành, nhóm ngành ⁶	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1		Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên			80		
1.1	7140215	Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp	7140215	Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp	30	410 - Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D08, X28) 407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A01, B00, D08, X12, X28, X16) 100 - Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (B00, D08, A01, X12, X28, X16) 409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01,	

						D08, X28) 200 - Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A01, B00, D08, X12, X28, X16) 402 - Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1)	
1.2	7140201	Giáo dục Mầm non (Trình độ Đại học)	7140201	Giáo dục mầm non	30	405 - Xét tuyển kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu (M00)	Đào tạo tại Phân hiệu Ninh Thuận
1.3	51140201	Giáo dục Mầm non (Trình độ Cao đẳng)	51140201	Giáo dục mầm non	20	406 - Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu (M00) 200 - Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (M00) 100 - Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (M00)	Đào tạo tại Phân hiệu Ninh Thuận
2		Nhân văn			133		
2.1	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	103	410 - Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D01, D09, D10, D14, D15)	
2.2	7220201N	Ngôn ngữ Anh (Phân hiệu Ninh Thuận)	7220201	Ngôn ngữ Anh	30	407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A01, D01, D09, D10, D14, D15)	Đào tạo tại Phân hiệu Ninh Thuận

						100 - Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A01, D01, D09, D10, D14, D15) 200 – Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A01, D01, D09, D10, D14, D15) 402 - Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1) 409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D01, D09, D10, D14, D15)	
3		Khoa học xã hội và hành vi			160		
3.1	7310101	Kinh tế	7310101	Kinh tế	120	410 - Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D01, X25)	
3.2	7310101C	Kinh tế (Chương trình nâng cao)	7310101	Kinh tế	40	407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A00, A01, D01, X01, X02, X25) 100 - Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A00, A01, D01, X01, X02, X25) 402 - Xét tuyển dựa trên kết	Chuyên ngành Kinh tế Nông nghiệp

						quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1) 409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D01, X25) 200 - Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, A01, D01, X01, X02, X25)	
4		Kinh doanh và quản lý			681		
4.1	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	250	410 - Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D01, X25) 407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A00, A01, D01, X01, X02, X25) 100 - Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A00, A01, D01, X01, X02, X25) 402 - Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1) 200 - Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	
4.2	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	155		
4.3	7340101C	Quản trị kinh doanh (Chương trình nâng cao)	7340101	Quản trị kinh doanh	50		
4.4	7340101N	Quản trị kinh doanh (Phân hiệu Ninh Thuận)	7340101	Quản trị kinh doanh	35		Đào tạo tại Phân hiệu Ninh Thuận
4.5	7340301N	Kế toán (Phân hiệu Ninh Thuận)	7340301	Kế toán	41		Đào tạo tại Phân hiệu Ninh Thuận
4.6	7340101G	Quản trị kinh doanh (Phân hiệu Gia Lai)	7340101	Quản trị kinh doanh	30		Đào tạo tại Phân hiệu Gia Lai

						(A00, A01, D01, X01, X02, X25) 409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D01, X25)	
4.7	7340116	Bất động sản	7340116	Bất động sản	120	410 - Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D01) 407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A00, A01, C01, C04, D01, X01) 100 - Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A00, A01, C01, C04, D01, X01) 200 - Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, A01, C01, C04, D01, X01) 402 - Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1) 409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D01)	
5		Khoa học sự sống			211		
5.1	7420201	Công nghệ	7420201	Công	181		

		sinh học		nghệ sinh học		410 - Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (D07, D08)	
5.2	7420201C	Công nghệ sinh học (Chương trình nâng cao)	7420201	Công nghệ sinh học	30	407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (D07, D08, X14, A00, A02, B00) 100 - Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A00, A02, B00, D07, D08, X14) 200 - Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, A02, B00, D07, D08, X14) 402 - Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1) 409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (D07, D08)	
6		Khoa học tự nhiên			52		
6.1	7440301	Khoa học môi trường	7440301	Khoa học môi trường	52	410 - Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D07, D08) 407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghệp THPT với	

						kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A00, A01, A02, B00, D07, D08) 100 - Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A00, A01, A02, B00, D07, D08) 409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D07, D08) 402 - Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1) 200 - Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, A01, A02, B00, D07, D08)	
7		Máy tính và công nghệ thông tin			347		
7.1	7480104	Hệ thống thông tin	7480104	Hệ thống thông tin	77	410 - Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D01, D07, X26) 407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A00, A01, A04, D01, D07, X26) 100 - Xét tuyển dựa vào kết	

						quả thi TN THPT (A00, A01, A04, D01, D07, X26) 402 - Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1) 409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D01, D07, X26) 200 - Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, A01, A04, D01, D07, X26)	
7.2	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	210	410 - Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D07)	
7.3	7480201C	Công nghệ thông tin (Chương trình nâng cao)	7480201	Công nghệ thông tin	30	407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A00, A01, D07, X06, X10, X07)	
7.4	7480201N	Công nghệ thông tin (Phân hiệu Ninh Thuận)	7480201	Công nghệ thông tin	30	100 - Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A00, A01, D07, X06, X10, X07) 402 - Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1) 200 - Xét kết quả học tập cấp	Đào tạo tại Phân hiệu Ninh Thuận

						THPT (học bạ) (A00, A01, D07, X06, X10, X07) 409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D07)	
8		Công nghệ kỹ thuật			566		
8.1	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	96	410 - Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01)	
8.2	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ – điện tử	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	80	200 - Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, A01, A02, C01, X06, X07)	
8.3	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	80	407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A01, A00, A02, C01, X06, X07)	
8.4	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	60	100 - Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A00, A01, A02, C01, X06, X07)	
8.5	7519007	Công nghệ kỹ thuật năng lượng tái tạo	7519007	Công nghệ kỹ thuật năng lượng tái tạo	50	402 - Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1)	
8.6	7510201C	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Chương trình nâng cao)	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	30	409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01)	
8.7	7519007N	Công nghệ kỹ thuật năng lượng tái tạo (Phân hiệu Ninh Thuận)	7519007	Công nghệ kỹ thuật năng lượng tái tạo	30		Đào tạo tại Phân hiệu Ninh Thuận
8.8	7510401	Công nghệ kỹ	7510401	Công	100	410 - Xét	

		thuật hóa học		nghệ kỹ thuật hóa học		tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D07, D08)	
8.9	7510401C	Công nghệ kỹ thuật hoá học (Chương trình nâng cao)	7510401	Công nghệ kỹ thuật hoá học	40	200 - Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, A01, A02, B00, D08, D07) 407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghịệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A00, A01, A02, B00, D08, D07) 100 - Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A00, A01, A02, B00, D08, D07) 402 - Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1) 409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghịệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D07, D08)	
9		Kỹ thuật			129		
9.1	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	59	410 - Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01) 200 - Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, A01, A02,	

						C01, X06, X07) 407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A00, A01, A02, C01, X06, X07) 100 - Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A00, A01, A02, C01, X06, X07) 402 - Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1) 409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01)	
9.2	7520320	Kỹ thuật môi trường	7520320	Kỹ thuật môi trường	40	410 - Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D07, D08, X28)	
9.3	7520320G	Kỹ thuật môi trường (Phân hiệu Gia Lai)	7520320	Kỹ thuật môi trường	30	200 - Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, A01, B00, D08, D07, X28) 407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A00, A01, B00, D08, D07, X28) 100 - Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT	Đào tạo tại Phân hiệu Gia Lai

						(A00, A01, B00, D08, D07, X28) 402 - Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1) 409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D07, D08, X28)	
10		Sản xuất và chế biến			483		
10.1	7540101	Công nghệ thực phẩm	7540101	Công nghệ thực phẩm	183	410 - Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D07, D08) 200 - Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, A01, A02, B00, D07, D08) 407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A00, A01, A02, B00, D07, D08) 100 - Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A00, A01, A02, D07, D08, B00) 402 - Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1)	
10.2	7540106	Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm	7540106	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	40		
10.3	7540101C	Công nghệ thực phẩm (Chương trình nâng cao)	7540101	Công nghệ thực phẩm	50		
10.4	7540101T	Công nghệ thực phẩm (Chương trình tiên tiến)	7540101	Công nghệ thực phẩm	40		

						409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D07, D08)	
10.5	7540105	Công nghệ chế biến thủy sản	7540105	Công nghệ chế biến thủy sản	60	410 - Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D01) 200 - Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, A01, B00, D01, B03, X04) 407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A00, A01, B00, D01, B03, X04) 100 - Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A00, A01, B00, D01, B03, X04) 402 - Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1) 409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D01)	
10.6	7549001	Công nghệ chế biến lâm sản	7549001	Công nghệ chế biến lâm sản	110	410 - Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét	

						tuyển (A01, D01) 407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A00, A01, B00, C04, D01, X04) 200 - Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, A01, B00, C04, D01, X04) 100 - Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A00, A01, B00, C04, D01, X04) 402 - Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1) 409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D01)	
11		Nông, lâm nghiệp và thủy sản			1015		
11.1	7620105	Chăn nuôi	7620105	Chăn nuôi	160	410 - Xét	
11.2	7620105C	Chăn nuôi (Chương trình nâng cao)	7620105	Chăn nuôi	40	tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (D07, D08) 200 - Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, B00, B03, C02, D07, D08) 407 - Kết	

						hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A00, B00, B03, C02, D07, D08) 100 - Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A00, B00, B03, C02, D07, D08) 409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (D07, D08) 402 - Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1)	
11.3	7620109	Nông học	7620109	Nông học	200	410 - Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D07, D08) 200 - Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, A01, B00, A02, D07, D08) 407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A00, A01, B00, A02, D07, D08) 100 - Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A00, A01, B00,	
11.4	7620112	Bảo vệ thực vật	7620112	Bảo vệ thực vật	120		
11.5	7620109N	Nông học (Phân hiệu Ninh Thuận)	7620109	Nông học	30		Đào tạo tại Phân hiệu Ninh Thuận
11.6	7620109G	Nông học (Phân hiệu Gia Lai)	7620109	Nông học	30		Đào tạo tại Phân hiệu Gia Lai

						A02, D07, D08) 402 - Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1) 409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D07, D08)	
11.7	7620114	Kinh doanh nông nghiệp	7620114	Kinh doanh nông nghiệp	100	410 – Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D01, X25) 200 - Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, A01, D01, X01, X02, X25) 407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A00, A01, D01, X01, X02, X25) 100 - Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A00, A01, D01, X01, X02, X25) 402 - Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1) 409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01,	
11.8	7620116	Phát triển nông thôn	7620116	Phát triển nông thôn	45		

						D01, X25)	
11.9	7620201	Lâm học	7620201	Lâm học	50	410 - Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (D01, D08) 402 – Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1) 200 - Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, B00, C04, X01, D01, D08) 407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (B00, A00, C04, X01, D01, D08) 100 - Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A00, B00, C04, X01, D01, D08) 409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (D01, D08)	
11.10	7620202	Lâm nghiệp đô thị	7620202	Lâm nghiệp đô thị	50		
11.11	7620211	Quản lý tài nguyên rừng	7620211	Quản lý tài nguyên rừng	50		
11.12	7620301	Nuôi trồng thủy sản	7620301	Nuôi trồng thủy sản	140	410 - Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (D01, D07, D08) 200 - Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (B00, D07, D08,	

						D01, B03, X04) 407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (B00, D07, D08, D01, B03, X04) 100 - Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (B00, D07, D08, D01, B03, X04) 409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (D01, D07, D08) 402 - Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1)	
12		Thú y			288		
12.1	7640101	Thú y	7640101	Thú y	178	410 - Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (D07, D08) 200 - Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, B00, B03, C02, D07, D08) 407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A00, B00, B03, C02, D07, D08) 100 - Xét tuyển dựa vào kết	
12.2	7640101T	Thú y (Chương trình tiên tiến)	7640101	Thú y	50		
12.3	7640101N	Thú y (Phân hiệu Ninh Thuận)	7640101	Thú y	30		Đào tạo tại Phân hiệu Ninh Thuận
12.4	7640101G	Thú y (Phân hiệu Gia Lai)	7640101	Thú y	30		Đào tạo tại Phân hiệu Gia Lai

						quả thi TN THPT (A00, B00, B03, C02, D07, D08) 409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (D07, D08) 402 - Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1)	
13		Môi trường và bảo vệ môi trường			415		
13.1	7850101	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	100	410 - Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D01, D07, D08) 200 - Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, A01, B00, D08, D01, D07) 407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A00, A01, B00, D08, D01, D07) 100 - Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A00, A01, B00, D08, D01, D07) 402 - Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do	

						ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1) 409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D01, D07, D08)	
13.2	7850103	Quản lý đất đai	7850103	Quản lý đất đai	170	410 - Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D01)	
13.3	7850103C	Quản lý đất đai (Chương trình nâng cao)	7850103	Quản lý đất đai	40	407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A00, A01, C01, C04, D01, X01) 200 - Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, A01, C01, C04, D01, X01) 100 - Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A00, A01, C01, C04, D01, X01) 402 - Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1) 409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (A01, D01)	
13.4	7859002	Tài nguyên và Du lịch Sinh thái	7859002	Tài nguyên và Du lịch sinh	65	410 - Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp	

				thái		THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (D01, D07, D08) 407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A00, B00, B02, D01, D07, D08) 200 - Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, B00, B02, D01, D07, D08) 100 - Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A00, B00, B02, D01, D07, D08) 402 - Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức (NL1) 409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (D01, D07, D08)	
13.5	7859007	Cảnh quan và Kỹ thuật hoa viên	7859007	Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên	40	410 - Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (D01, D07, D08) 200 - Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, A02, B00, D01, D07, D08) 407 - Kết hợp kết quả thi tốt	

						nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (A00, A02, B00, D01, D07, D08) 100 - Xét tuyển dựa vào kết quả thi TN THPT (A00, A02, B00, D01, D07, D08) 402 - Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức(NL1) 409 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển (D01, D07, D08)	
--	--	--	--	--	--	--	--

⁵ Theo danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học

⁶ Theo danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo.

a. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển:

- Ngành Ngôn ngữ Anh (7220201): điểm môn Tiếng Anh được nhân đôi, cộng với điểm hai môn còn lại, quy về điểm 30.
- Ngành Giáo dục Mầm non (Trình độ đại học: 7140201, trình độ cao đẳng: 51140201): điểm môn Năng khiếu được nhân đôi, cộng với điểm hai môn còn lại, quy về điểm 30.
- Thí sinh có thể đăng ký dự thi môn năng khiếu tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hà Nội để xét tuyển ngành Giáo dục Mầm non (trình độ đại học, cao đẳng).

b. Điểm cộng:

- Điểm ưu tiên (khu vực và đối tượng) thực hiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành.
- Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng đối với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức năm 2025: Mức điểm ưu tiên chênh lệch giữa hai nhóm đối tượng liền kề là 40 điểm, mức chênh lệch giữa hai khu vực liền kề là 10 điểm (theo thang điểm 1200). Đối với thí sinh có tổng điểm thi từ 900 điểm trở lên (theo thang điểm 1200) được xác định theo công thức:

Điểm ưu tiên = $[(1200 - \text{tổng điểm đạt được})/300]$. Mức điểm ưu tiên quy định làm tròn đến không số lẻ thập phân.

c. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo (CSĐT tuyển sinh theo nhóm ngành):

d. Các thông tin khác...

6. Tổ chức tuyển sinh:

- Thực hiện theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Môn thi Năng khiếu (dùng để xét tuyển vào ngành Giáo dục mầm non trình độ đại học, cao đẳng) được tổ chức trong 02 ngày 08-09/7/2025 tại Phân hiệu Ninh Thuận.

7. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển:

Được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Lệ phí xét tuyển/thí tuyển:

- Lệ phí đăng ký xét tuyển: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Lệ phí dự thi môn năng khiếu (dùng để xét tuyển ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học, cao đẳng): 300.000 đồng.

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh (Giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh).

Đảm bảo quyền lợi của thí sinh dựa trên quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo.

10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành):

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm tuyển sinh 2023			Năm tuyển sinh 2024			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	7640101T	Thú y (Chương trình tiên tiến)	7640101	Thú y	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	10	18	25	13	27	25	
2	7440301	Khoa học môi trường	7440301	Khoa học môi trường	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	17	7	23.78	13	10	21	
3	7510205	Công	7510205	Công	Xét	23	66	23	20	34	23.75	

		nghệ kỹ thuật ô tô		nghệ kỹ thuật ô tô	tuyển dựa vào kết quả thi THPT							
4	7540105	Công nghệ chế biến thủy sản	7540105	Công nghệ chế biến thủy sản	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	20	13	21	20	15	20	
5	7480104	Hệ thống thông tin	7480104	Hệ thống thông tin	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	34	112	21.5	30	90	21.25	
6	7540101	Công nghệ thực phẩm	7540101	Công nghệ thực phẩm	Xét tuyển sử dụng kết quả	83	3	720	74	15	710	

					thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức đề xét tuyển							
7	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị	15	0	708	15	2	660	

					khác tổ chức để xét tuyển							
8	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	42	192	23	69	172	23.75	
9	7340101G	Quản trị kinh doanh (Phân hiệu Gia Lai)	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	10	0	18	8	0	0	
10	7519007	Công nghệ kỹ thuật năng lượng tái tạo	7519007	Công nghệ Kỹ thuật năng lượng	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập	10	5	20	13	6	20	

				tái tạo	cấp THPT (học bạ)							
11	7140215	Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp	7140215	Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	15	1	22.18	8	6	24	
12	7640101T	Thú y (Chương trình tiên tiến)	7640101	Thú y	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do	10	13	780	12	14	800	

					đơn vị khác tổ chức để xét tuyển							
13	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	36	23	25	32	61	24	
14	7859002G	Tài nguyên và Du lich sinh thái (Phân hiệu Gia Lai)	7859002	Tài nguyên và du lich sinh thái	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	10	0	18	8	0	18	
15	7510205	Công	7510205	Công	Xét	23	12	25	20	29	24	

		nghệ kỹ thuật ô tô		nghệ kỹ thuật ô tô	tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)							
16	7440301	Khoa học môi trường	7440301	Khoa học môi trường	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	17	23	16	13	38	17.25	
17	7340116G	Bất động sản (Phân hiệu Gia Lai)	7340116	Bất động sản	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	10	0	18	8	0	0	
18	7420201G	Công	7420201	Công	Xét	10	0	18	8	1	18	

		nghe sinh học (Phân hiệu Gia Lai)		nghe sinh học	tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)							
19	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	70	278	22.25	60	153	22.75	
20	7340101G	Quản trị kinh doanh (Phân hiệu Gia Lai)	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư	10	0	700	7	0	0	

					duy do đơn vị khác tổ chức đề xét tuyển							
21	7340116G	Bất động sản (Phân hiệu Gia Lai)	7340116	Bất động sản	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức đề xét tuyển	10	0	700	7	0	0	
22	7520216	Kỹ thuật điều khiển và	7520216	Kỹ thuật điều	Xét tuyển sử	23	1	730	20	5	700	

		tự động hoá		khẩn và tự động hoá	dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức đề xét tuyển							
23	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	90	39	26	81	51	24	
24	7519007N	Công nghệ kỹ	7519007	Công nghệ	Xét tuyển	10	0	700	7	0	0	

		thuật năng lượng tái tạo (Phân hiệu Ninh Thuận)		Kỹ thuật năng lượng tái tạo	sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức đề xét tuyển							
25	7340101C	Quản trị kinh doanh (Chất lượng cao)	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh	13	0	0	12	0	0	

					giá tư duy do đơn vị khác tổ chức đề xét tuyển							
26	7340101C	Quản trị kinh doanh (Chất lượng cao)	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	13	0	25	13	4	23	
27	7640101G	Thú y (Phân hiệu Gia Lai)	7640101	Thú y	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	10	9	16	10	13	16	
28	7620211	Quản lý tài nguyên	7620211	Quản lý tài nguyên	Xét tuyển dựa	17	23	16	12	23	16	

		rừng		rừng	vào kết quả thi THPT							
29	7620201	Lâm học	7620201	Lâm học	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	16	0	737	12	0	0	
30	7340101N	Quản trị kinh doanh (Phân hiệu Ninh	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét tuyển sử dụng kết quả thi	10	0	700	10	0	0	

		Thuận)			đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức đề xét tuyển							
31	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	27	11	24.36	23	45	21	
32	7620114	Kinh doanh nông nghiệp	7620114	Kinh doanh nông nghiệp	Xét tuyển sử dụng kết quả	33	0	706	24	3	690	

					thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức đề xét tuyển							
33	7519007	Công nghệ kỹ thuật năng lượng tái tạo	7519007	Công nghệ Kỹ thuật năng lượng tái tạo	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	10	29	16	12	35	19.5	
34	7620301	Nuôi trồng thủy sản	7620301	Nuôi trồng thủy sản	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp	40	44	20	35	49	20	

					THPT (học bạ)							
35	7540101C	Công nghệ thực phẩm (Chất lượng cao)	7540101	Công nghệ thực phẩm	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	20	18	21.25	20	15	22.5	
36	7310101	Kinh tế	7310101	Kinh tế	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	52	22	25	51	54	23	
37	7140215	Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp	7140215	Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp	Xét tuyển sử dụng kết quả thi	15	0	721	7	1	700	

					đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển							
38	7519007	Công nghệ kỹ thuật năng lượng tái tạo	7519007	Công nghệ Kỹ thuật năng lượng tái tạo	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ	10	0	723	12	0	0	

					chức để xét tuyển							
39	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	27	4	720	27	11	710	
40	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Xét tuyển sử dụng kết quả thi	23	1	730	20	2	700	

					đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức đề xét tuyển							
41	7540101T	Công nghệ thực phẩm (Chương trình tiên tiến)	7540101	Công nghệ thực phẩm	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	10	13	21.25	13	16	22.5	
42	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	36	105	23	32	118	23	
43	7510206	Công	7510206	Công	Xét	15	62	18.5	16	32	21.75	

		nghệ kỹ thuật nhiệt		nghệ kỹ thuật nhiệt	tuyển dựa vào kết quả thi THPT							
44	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	30	81	21.5	30	88	22.5	
45	7549001	Công nghệ chế biến lâm sản	7549001	Công nghệ chế biến lâm sản	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	33	44	16	30	55	16	
46	7620109G	Nông học (Phân hiệu Gia Lai)	7620109	Nông học	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	14	0	15	7	2	15	
47	7310101	Kinh tế	7310101	Kinh tế	Xét tuyển sử	52	1	730	50	6	700	

					dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển							
48	7640101G	Thú y (Phân hiệu Gia Lai)	7640101	Thú y	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư	10	0	700	10	0	0	

					duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển							
49	7620202G	Lâm nghiệp đô thị (Phân hiệu Gia Lai)	7620202	Lâm nghiệp đô thị	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	14	0	15	7	1	15	
50	7620114	Kinh doanh nông nghiệp	7620114	Kinh doanh nông nghiệp	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	33	9	19	25	25	20	
51	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	Xét tuyển sử dụng	42	1	800	68	15	700	

					kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức đề xét tuyển							
52	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	70	41	25	60	75	23	
53	7850103	Quản lý đất đai	7850103	Quản lý đất đai	Xét tuyển sử	56	1	712	48	2	650	

					dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển							
54	7540101T	Công nghệ thực phẩm (Chương trình tiên tiến)	7540101	Công nghệ thực phẩm	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	10	5	25	13	5	24	
55	7340301N	Kế toán (Phân	7340301	Kế toán	Xét tuyển	10	0	700	10	0	0	

		hiệu Ninh Thuận)			sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức đề xét tuyển							
56	7620112	Bảo vệ thực vật	7620112	Bảo vệ thực vật	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh	33	0	708	25	4	650	

					giá tư duy do đơn vị khác tổ chức đề xét tuyển							
57	7640101	Thú y	7640101	Thú y	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức đề xét tuyển	55	15	780	69	25	800	
58	7620109G	Nông học	7620109	Nông học	Xét tuyển	13	0	700	7	0	0	

		(Phân hiệu Gia Lai)			sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức đề xét tuyển							
59	7620202G	Lâm nghiệp đô thị (Phân hiệu Gia Lai)	7620202	Lâm nghiệp đô thị	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh	13	0	700	7	0	0	

					giá tư duy do đơn vị khác tổ chức đề xét tuyển							
60	7420201	Công nghệ sinh học	7420201	Công nghệ sinh học	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức đề xét tuyển	52	8	730	48	10	750	
61	7420201G	Công nghệ	7420201	Công nghệ	Xét tuyển	10	0	700	7	0	0	

		sinh học (Phân hiệu Gia Lai)		sinh học	sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển							
62	7420201C	Công nghệ sinh học (Chất lượng cao)	7420201	Công nghệ sinh học	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	10	12	22.25	10	8	23.25	
63	7640101N	Thú y (Phân hiệu Ninh Thuận)	7640101	Thú y	Xét tuyển dựa vào kết quả thi	10	11	15	10	19	16	

					THPT							
64	7340116	Bất động sản	7340116	Bất động sản	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	24	1	700	22	2	650	
65	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT	20	15	22	20	50	22	

					(học bạ)							
66	7540105	Công nghệ chế biến thủy sản	7540105	Công nghệ chế biến thủy sản	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức đề xét tuyển	20	0	734	20	0	0	
67	7540101	Công nghệ thực phẩm	7540101	Công nghệ thực phẩm	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp	83	77	25	74	149	24	

					THPT (học bà)							
68	7640101	Thú y	7640101	Thú y	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	56	208	24	69	135	24.5	
69	7620105	Chăn nuôi	7620105	Chăn nuôi	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	47	90	16	35	97	16	
70	7620201	Lâm học	7620201	Lâm học	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	17	8	16	12	19	16	
71	7480104	Hệ thống thông tin	7480104	Hệ thống thông tin	Xét tuyển sử dụng kết quả	33	2	701	30	0	0	

					thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển							
72	7620109	Nông học	7620109	Nông học	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	40	51	22	43	62	20	
73	7510401C	Công nghệ kỹ thuật hóa học	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Xét tuyển sử dụng	0	0	0	7	0	0	

		(CTNC)			kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển							
74	7510401C	Công nghệ kỹ thuật hóa học (CTNC)	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	0	0	0	8	2	24	
75	7420201C	Công nghệ sinh học	7420201	Công nghệ sinh	Xét tuyển sử	10	1	730	10	2	750	

		(Chất lượng cao)		học	dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển							
76	7340101N	Quản trị kinh doanh (Phân hiệu Ninh Thuận)	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	10	16	15	10	28	15	
77	7510201C	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Chất lượng	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Xét tuyển sử dụng kết quả	10	0	705	10	0	0	

		cao)			thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển							
78	7510201C	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Chất lượng cao)	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	10	0	21.5	10	10	22.5	
79	7420201	Công nghệ sinh học	7420201	Công nghệ sinh học	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	52	197	22.25	48	131	23.25	
80	7510401C	Công	7510401	Công	Xét	0	0	0	8	8	23.25	

		nghệ kỹ thuật hóa học (CTNC)		nghệ kỹ thuật hóa học	tuyển dựa vào kết quả thi THPT							
81	7480201N	Công nghệ thông tin (Phân hiệu Ninh Thuận)	7480201	Công nghệ thông tin	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	13	10	15	10	8	15	
82	7220201N	Ngôn ngữ Anh (Phân hiệu Ninh Thuận)	7220201	Ngôn ngữ Anh	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	13	11	18	10	16	18	
83	7859007	Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên	7859007	Cảnh quan và kỹ thuật	Xét tuyển dựa vào kết	17	9	16	13	20	16	

				hoa viên	quả thi THPT							
84	7340101G	Quản trị kinh doanh (Phân hiệu Gia Lai)	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	10	0	15	8	2	15	
85	7620112	Bảo vệ thực vật	7620112	Bảo vệ thực vật	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	33	26	22.75	25	67	21	
86	7620114	Kinh doanh nông nghiệp	7620114	Kinh doanh nông nghiệp	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	34	118	17	25	129	18	
87	7340101N	Quản trị kinh	7340101	Quản trị kinh	Xét tuyển	10	18	18	10	12	18	

		doanh (Phân hiệu Ninh Thuận)		doanh	dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)							
88	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	27	27	26	28	62	24	
89	7340301N	Kế toán (Phân hiệu Ninh Thuận)	7340301	Kế toán	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học	10	15	18	10	12	18	

					bạ)							
90	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	27	81	16.5	22	77	20	
91	7340116	Bất động sản	7340116	Bất động sản	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	25	68	20	22	95	19.75	
92	7640101	Thú y	7640101	Thú y	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	56	36	27.5	69	136	26	
93	7519007N	Công nghệ kỹ thuật	7519007	Công nghệ Kỹ	Xét tuyển dựa	10	1	18	8	8	18	

		năng lượng tái tạo (Phân hiệu Ninh Thuận)		thuật năng lượng tái tạo	vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)							
94	7540101T	Công nghệ thực phẩm (Chương trình tiên tiên)	7540101	Công nghệ thực phẩm	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức đề xét tuyển	10	3	720	12	2	710	
95	7859002G	Tài nguyên	7859002	Tài nguyên	Xét tuyển	10	0	15	7	0	15	

		và Du lịch sinh thái (Phân hiệu Gia Lai)		và du lịch sinh thái	dựa vào kết quả thi THPT							
96	7859002G	Tài nguyên và Du lịch sinh thái (Phân hiệu Gia Lai)	7859002	Tài nguyên và du lịch sinh thái	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức đề xét tuyển	10	0	700	7	0	600	
97	7620202G	Lâm nghiệp đô thị	7620202	Lâm nghiệp đô thị	Xét tuyển dựa	13	1	18	8	0	0	

		(Phân hiệu Gia Lai)			vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)							
98	7440301	Khoa học môi trường	7440301	Khoa học môi trường	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức đề xét tuyển	17	1	716	12	0	0	
99	7859002G	Tài nguyên	7859002	Tài nguyên	Xét tuyển	0	0	0	8	1	15	

		và Du lịch sinh thái (Phân hiệu Gia Lai)		và du lịch sinh thái	kết hợp kết quả thi tốt nghịệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển							
100	7850103	Quản lý đất đai	7850103	Quản lý đất đai	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	57	64	22.85	48	91	21	
101	7520320	Kỹ thuật môi trường	7520320	Kỹ thuật môi trường	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập	15	4	22.81	15	8	21	

					cấp THPT (học bạ)							
102	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	27	86	23	27	113	23.25	
103	7620105C	Chăn nuôi (CTNC)	7620105	Chăn nuôi	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức đề xét	0	0	0	7	0	0	

					tuyển							
104	7850103	Quản lý đất đai	7850103	Quản lý đất đai	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	57	185	18.75	48	112	21.25	
105	51140201	Giáo dục Mầm non (Cao đẳng)	51140201	Giáo dục mầm non	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	6	0	0	5	0	0	
106	7480201N	Công	7480201	Công	Xét	13	0	700	10	0	0	

		nghệ thông tin (Phân hiệu Ninh Thuận)		nghệ thông tin	tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển							
107	7859007	Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên	7859007	Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	17	14	20.24	13	13	20	

108	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức đề xét tuyển	20	2	700	20	12	700	
109	51140201	Giáo dục Mầm non (Cao đẳng)	51140201	Giáo dục mầm non	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	7	13	17	5	11	20.25	
110	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	Xét tuyển sử	36	0	730	32	10	700	

					dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển							
111	7519007N	Công nghệ kỹ thuật năng lượng tái tạo (Phân hiệu Ninh Thuận)	7519007	Công nghệ Kỹ thuật năng lượng tái tạo	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	10	1	15	8	4	15	
112	7520216	Kỹ thuật điều khiển và	7520216	Kỹ thuật điều	Xét tuyển dựa	23	82	22	20	40	23.5	

		tự động hoá		khiến và tự động hoá	vào kết quả thi THPT							
113	7640101N	Thú y (Phân hiệu Ninh Thuận)	7640101	Thú y	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	10	0	700	10	0	0	
114	7220201N	Ngôn ngữ Anh (Phân hiệu Ninh)	7220201	Ngôn ngữ Anh	Xét tuyển sử dụng kết quả	13	0	700	10	2	600	

		Thuận)			thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển							
115	7620105C	Chăn nuôi (CTNC)	7620105	Chăn nuôi	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	0	0	0	8	16	16	
116	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	20	48	22.5	20	19	23.75	
117	7540101	Công	7540101	Công	Xét	83	369	21.25	74	257	22.5	

		nghệ thực phẩm		nghệ thực phẩm	tuyển dựa vào kết quả thi THPT							
118	7620109G	Nông học (Phân hiệu Gia Lai)	7620109	Nông học	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	13	0	18	8	14	18	
119	7520320	Kỹ thuật môi trường	7520320	Kỹ thuật môi trường	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	15	30	16	15	52	16	
120	7140201	Giáo dục Mầm non (Đại học)	7140201	Giáo dục Mầm non	Xét tuyển dựa vào kết quả thi	7	0	19	7	19	21.25	

					THPT							
121	7540101C	Công nghệ thực phẩm (Chất lượng cao)	7540101	Công nghệ thực phẩm	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	20	0	720	20	0	0	
122	7420201G	Công nghệ sinh học (Phân hiệu Gia Lai)	7420201	Công nghệ sinh học	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	10	0	15	8	0	0	
123	7620202	Lâm	7620202	Lâm	Xét	17	21	16	12	22	16	

		ngành đô thị		ngành đô thị	tuyển dựa vào kết quả thi THPT							
124	7140201	Giáo dục Mầm non (Đại học)	7140201	Giáo dục Mầm non	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	6	0	0	7	0	0	
125	7549001	Công nghệ chế biến lâm sản	7549001	Công nghệ chế biến	Xét tuyển sử dụng	33	1	728	30	1	650	

				lâm sản	kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức đề xét tuyển							
126	7549001	Công nghệ chế biến lâm sản	7549001	Công nghệ chế biến lâm sản	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	33	13	19.33	30	10	19	
127	7859007	Cảnh quan và kỹ thuật	7859007	Cảnh quan và kỹ	Xét tuyển sử	16	0	728	12	1	650	

		hoa viên		thuật hoa viên	dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức đề xét tuyển							
128	7640101N	Thú y (Phân hiệu Ninh Thuận)	7640101	Thú y	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	10	23	18	10	17	18	
129	7480201	Công nghệ	7480201	Công nghệ	Xét tuyển	90	29	700	80	26	700	

		thông tin		thông tin	sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức đề xét tuyển							
130	7620105	Chăn nuôi	7620105	Chăn nuôi	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh	47	2	700	35	2	660	

					giá tư duy do đơn vị khác tổ chức đề xét tuyển							
131	7480201N	Công nghệ thông tin (Phân hiệu Ninh Thuận)	7480201	Công nghệ thông tin	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	13	11	18	10	14	18	
132	7620105C	Chăn nuôi (CTNC)	7620105	Chăn nuôi	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	0	0	0	8	3	20	

133	7340301N	Kế toán (Phân hiệu Ninh Thuận)	7340301	Kế toán	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	10	20	15	10	34	15	
134	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	30	28	20	30	82	21	
135	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	42	2	27	69	94	22	

136	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	15	10	20	16	22	20	
137	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	Xét tuyển kết hợp kết quả thi tốt nghịep THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển	0	0	0	68	1	23.75	
138	7520320	Kỹ thuật môi trường	7520320	Kỹ thuật môi trường	Xét tuyển sử dụng	15	0	723	15	1	650	

					kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức đề xét tuyển							
139	7420201	Công nghệ sinh học	7420201	Công nghệ sinh học	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	52	49	26	49	95	24	
140	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông	Xét tuyển dựa	90	301	23	81	286	22.25	

				tin	vào kết quả thi THPT							
141	7540105	Công nghệ chế biến thủy sản	7540105	Công nghệ chế biến thủy sản	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	20	21	16	20	37	16	
142	7220201N	Ngôn ngữ Anh (Phân hiệu Ninh Thuận)	7220201	Ngôn ngữ Anh	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	13	26	15	10	17	15	
143	7620202	Lâm nghiệp đô thị	7620202	Lâm nghiệp đô thị	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh	16	0	737	13	0	0	

					giá tư duy do đơn vị khác tổ chức đề xét tuyển							
144	7140215	Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp	7140215	Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	15	9	19	8	11	22.5	
145	7620301	Nuôi trồng thủy sản	7620301	Nuôi trồng thủy sản	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	40	45	16	35	51	16	
146	7480104	Hệ thống thông tin	7480104	Hệ thống thông tin	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp	33	10	24	30	22	20	

					THPT (học bạ)							
147	7620201	Lâm học	7620201	Lâm học	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	17	1	19.69	13	1	19	
148	7640101T	Thú y (Chương trình tiên tiến)	7640101	Thú y	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	10	9	27.5	13	15	27	
149	7620211	Quản lý tài nguyên	7620211	Quản lý tài nguyên	Xét tuyển sử	16	0	737	12	0	0	

		rừng		rừng	dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức đề xét tuyển							
150	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	23	9	24	20	25	22	
151	7640101G	Thú y (Phân	7640101	Thú y	Xét tuyển	10	17	18	10	22	18	

		hiệu Gia Lai)			dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)							
152	7859002	Tài nguyên và Du lịch sinh thái	7859002	Tài nguyên và du lịch sinh thái	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	14	59	19	17	63	19.5	
153	7140201	Giáo dục Mầm non (Đại học)	7140201	Giáo dục Mầm non	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	7	0	24	8	8	20	
154	7340301G	Kế toán (Phân	7340301	Kế toán	Xét tuyển	10	9	18	8	5	18	

		hiệu Gia Lai)			dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)							
155	7340301G	Kế toán (Phân hiệu Gia Lai)	7340301	Kế toán	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	10	3	15	8	5	15	
156	7620112	Bảo vệ thực vật	7620112	Bảo vệ thực vật	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	34	62	17	25	101	17	
157	7510201C	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Chất lượng cao)	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập	10	0	20	10	2	21	

					cấp THPT (học bạ)							
158	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	30	1	700	30	1	700	
159	7620211	Quản lý tài nguyên rừng	7620211	Quản lý tài nguyên rừng	Xét tuyển dựa vào kết quả	17	2	19.85	13	4	19	

					học tập cấp THPT (học bạ)							
160	7620105	Chăn nuôi	7620105	Chăn nuôi	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	47	49	19	35	39	20	
161	7340301G	Kế toán (Phân hiệu Gia Lai)	7340301	Kế toán	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư	10	0	700	7	0	0	

					duy do đơn vị khác tổ chức đề xét tuyển							
162	51140201	Giáo dục Mầm non (Cao đẳng)	51140201	Giáo dục mầm non	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	7	13	22	5	8	23	
163	7859002	Tài nguyên và Du lịch sinh thái	7859002	Tài nguyên và du lịch sinh thái	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	13	7	23.34	18	8	20	

164	7620116	Phát triển nông thôn	7620116	Phát triển nông thôn	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	17	7	16	10	15	16	
165	7420201C	Công nghệ sinh học (Chất lượng cao)	7420201	Công nghệ sinh học	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	10	2	26	10	6	24	
166	7640101T	Thú y (Chương trình tiên tiến)	7640101	Thú y	Xét tuyển kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế	0	0	0	12	1	25	

					để xét tuyển							
167	7620202	Lâm nghiệp đô thị	7620202	Lâm nghiệp đô thị	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	17	2	19.39	13	3	19	
168	7620116	Phát triển nông thôn	7620116	Phát triển nông thôn	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ	16	0	737	10	0	0	

					chức để xét tuyển							
169	7620109	Nông học	7620109	Nông học	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	40	81	17	42	105	17	
170	7540101C	Công nghệ thực phẩm (Chất lượng cao)	7540101	Công nghệ thực phẩm	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	20	2	25	20	4	24	
171	7340116	Bất động sản	7340116	Bất động sản	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp	25	10	22.58	23	13	21	

					THPT (học bạ)							
172	7310101	Kinh tế	7310101	Kinh tế	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	52	180	22.25	51	105	22.5	
173	7340116G	Bất động sản (Phân hiệu Gia Lai)	7340116	Bất động sản	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	10	0	15	7	2	15	
174	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh	70	0	730	60	6	700	

					giá tư duy do đơn vị khác tổ chức đề xét tuyển							
175	7620116	Phát triển nông thôn	7620116	Phát triển nông thôn	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	17	1	20.34	10	0	0	
176	7540101	Công nghệ thực phẩm	7540101	Công nghệ thực phẩm	Xét tuyển kết hợp kết quả thi tốt nghệ THPT với chứng chỉ	0	0	0	74	1	22.5	

					quốc tế để xét tuyển							
177	7859002	Tài nguyên và Du lịch sinh thái	7859002	Tài nguyên và du lịch sinh thái	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	13	0	720	17	0	0	
178	7620301	Nuôi trồng thủy sản	7620301	Nuôi trồng thủy sản	Xét tuyển sử dụng kết quả thi	40	1	731	35	1	650	

					đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức đề xét tuyển							
179	7620109	Nông học	7620109	Nông học	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ	40	0	705	42	1	650	

					chức để xét tuyển							
180	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	26	0	704	22	2	650	
181	7340101C	Quản trị kinh doanh (Chất lượng cao)	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT	14	0	22.25	13	2	22.75	

Cán bộ tuyển sinh

(Ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ, địa chỉ Email)

..., ngày..... tháng năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ